

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 29

S.Đ.K.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 1, thành lập theo Quyết định số 350NL/TCCB-LĐ ngày 19 tháng 6 năm 1993 của Bộ Năng lượng, là đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty được cổ phần hoá thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 theo Quyết định số 3907/QĐ-BCN ngày 28/12/2006 của Bộ Công nghiệp. Hiện Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021734 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2008. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 100.000.000.000 đồng, chia thành 10.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 5.433.651 cổ phần tương ứng 54.336.510.000 đồng, chiếm 54,34% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 4.566.349 cổ phần tương ứng 45.663.490.000 đồng, chiếm 45,66% vốn điều lệ.

Hiện nay, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Lê Văn Lực.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Km 9 + 200, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính:

- Khảo sát thiết kế các công trình điện;
- Gia công, thử nghiệm cột điện bằng thép;
- Xây dựng, sửa chữa thủy điện nhỏ;
- Xây dựng lưới điện từ 35 KV trở xuống;
- Nghiên cứu lập dự án đầu tư;
- Thiết kế các công trình điện tất cả các giai đoạn;
- Khảo sát xây dựng, khảo sát môi trường, thí nghiệm địa chất, vật liệu xây dựng...phục vụ thiết kế;
- Thẩm định đồ án thiết kế công trình điện không do Công ty thiết kế;
- Tổng thầu khảo sát, thiết kế và quản lý dự án các công trình điện trong phạm vi của Tập đoàn;
- Lập hồ sơ vật tư, thiết bị phục vụ cho chào thầu các công trình điện, kiểm định chất lượng xây dựng các công trình điện trong phạm vi của Tập đoàn;
- Tư vấn đấu thầu, tư vấn Hợp đồng kinh tế công trình điện;
- Tư vấn dịch vụ và xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: công tác điều tra, khảo sát, lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, khảo sát, thiết kế và lập dự toán công trình, lập hồ sơ và dịch vụ tổ chức đấu thầu về thiết kế, mua sắm trang thiết bị, xây lắp công trình, giám sát xây dựng, nhận thầu quản lý xây dựng;
- Gia công thử nghiệm cột điện các loại;
- Xây dựng sửa chữa thủy điện nhỏ;
- Tư vấn thiết kế công trình viễn thông;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp và sinh hoạt
- Dịch vụ khảo sát và đo vẽ bản đồ (địa hình, địa chính);
- Xây lắp các công trình lưới điện có cấp điện áp đến 110KV;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị cơ khí điện lực;
- Kiểm định công trình xây dựng và các dịch vụ thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Công ty có các Công ty Con sau đây:

TT	Công ty	Địa chỉ
1	Công ty TNHH 1 Thành viên Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1	Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
2	Công ty TNHH 1 Thành viên Khảo sát Xây dựng Điện 2	Số 8/2 Phan Đình Phùng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
3	Công ty TNHH 1 Thành viên Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4	Số 599 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Các Công ty Con của Công ty thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hợp nhất từ các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 và các Công ty Con.

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG NĂM VÀ SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngoài các sự kiện trình bày tại thuyết minh số VII.1, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán nào có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch
Ông Lê Văn Lực	Thành viên
Ông Lê Minh Hà	Thành viên
Ông Nhâm Văn Tuấn	Thành viên
Ông Chu Văn Tiến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng:

Ông Lê Văn Lực	Tổng Giám đốc
Ông Doãn Kim Thuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tài Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Hà	Kế toán trưởng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 18 -05- 2010

Số CT: 1957 Quyền số:.....SCT/BS

Lê Văn Lực
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2010



PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Thùy Anh



Số: *JJ* /2010/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 từ trang 07 đến trang 30 kèm theo gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2009 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798/KTV
 Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY LTD)
 Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2010

Hà Minh Long
Kiểm toán viên
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1221/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		556.060.158.553	516.769.171.543
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	30.203.188.169	44.195.957.932
1. Tiền	111		30.203.188.169	44.195.957.932
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		331.228.491.299	265.752.486.250
1. Phải thu khách hàng	131		297.796.369.453	244.143.036.359
2. Trả trước cho người bán	132		24.505.912.419	17.947.584.536
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	8.926.209.427	3.661.865.355
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	177.287.260.702	190.918.472.152
1. Hàng tồn kho	141		177.287.260.702	190.918.472.152
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.341.218.383	15.902.255.209
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.429.373.232	1.640.268.591
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	-	61.774.928
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		15.911.845.151	14.200.211.690
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		100.120.247.709	100.986.744.167
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.667.343.079	31.073.983.249
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		33.478.595.191	24.739.316.583
4. Phải thu dài hạn khác	218		7.468.899.671	7.061.321.437
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(10.280.151.783)	(726.654.771)
II. Tài sản cố định	220		66.116.046.354	65.232.658.870
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	32.204.085.588	35.909.120.893
- Nguyên giá	222		116.529.745.272	112.586.980.226
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.325.659.684)	(76.677.859.333)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	25.113.574.492	29.222.211.014
- Nguyên giá	228		42.898.825.312	42.795.978.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.785.250.820)	(13.573.767.528)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		8.798.386.274	101.326.963
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	363.138.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	363.138.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.336.858.276	4.316.964.048
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	955.458.276	1.935.564.048
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.381.400.000	2.381.400.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		656.180.406.262	617.755.915.710

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		518.651.875.368	499.970.642.923
I. Nợ ngắn hạn	310		514.236.984.020	486.321.622.077
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	223.847.711.070	121.758.278.185
2. Phải trả người bán	312		32.643.845.581	24.263.826.697
3. Người mua trả tiền trước	313		64.287.402.730	107.294.415.188
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	24.106.013.978	28.637.203.705
5. Phải trả người lao động	315		85.486.011.523	143.458.212.430
6. Chi phí phải trả	316		6.002.926.288	2.858.998.910
7. Phải trả nội bộ	317	V.10	18.714.909.861	14.367.989.061
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	59.148.162.989	43.682.697.901
II. Nợ dài hạn	330		4.414.891.348	13.649.020.846
1. Phải trả dài hạn người bán	331		4.176.866.285	13.649.020.846
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		238.025.063	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.528.530.894	117.785.272.787
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	136.068.840.165	117.849.622.787
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.546.985.811	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		60.825.147	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		31.461.029.207	17.849.622.787
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.459.690.729	(64.350.000)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.459.690.729	(64.350.000)
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		656.180.406.262	617.755.915.710

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		4.256.678.918	-
5. Ngoại tệ các loại	USD	2.343,04	10.912,06
	EUR	713,54	703,90



Lê Văn Lực
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2010

Lê Minh Hà
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	485.329.763.510	449.566.183.490
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	10	VI.1	485.329.763.510	449.566.183.490
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	380.910.987.907	359.242.497.368
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.418.775.603	90.323.686.122
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.798.303.359	1.340.969.154
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.915.755.499	16.281.407.959
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.867.842.257</i>	<i>16.276.816.759</i>
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		48.649.178.929	37.526.016.582
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.652.144.534	37.857.230.735
11. Thu nhập khác	31		4.174.306.523	516.789.012
12. Chi phí khác	32		3.311.874.733	261.130.639
13. Lợi nhuận khác	40		862.431.790	255.658.373
14. Lợi nhuận/lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.514.576.324	38.112.889.108
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	9.543.928.539	10.719.476.321
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.970.647.785	27.393.412.787
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-
17.2 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		31.970.647.785	27.393.412.787
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.197	2.739



Lê Văn Lực
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2010

Lê Minh Hà
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		41.514.576.324	38.112.889.108
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		14.965.685.765	16.979.159.001
- Các khoản dự phòng	3		9.553.497.012	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(28.027.658)	-
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(1.770.275.701)	(1.499.226.730)
- Chi phí lãi vay	6		16.867.842.257	16.276.816.759
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn LD	8			
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		(73.626.381.040)	(58.254.633.623)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		13.631.211.450	(13.385.337.288)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		(83.333.901.188)	56.848.702.566
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(7.815.847.168)	(1.232.834.631)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(13.044.294.859)	(13.405.478.053)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9.618.227.791)	(4.473.955.673)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(28.567.840.107)	(34.353.498.408)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(121.271.982.704)	1.612.603.028
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(8.492.266.842)	(865.631.097)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		821.795.915	158.257.576
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		363.138.000	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		835.569.778	910.572.968
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.471.763.149)	203.199.447
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		322.768.246.185	161.473.416.021
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(205.373.688.153)	(149.713.403.938)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.671.609.600)	(4.110.139.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		113.722.948.432	7.649.873.083
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(14.020.797.421)	9.465.675.558
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		44.195.957.932	34.730.282.374
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		28.027.658	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	30.203.188.169	44.195.957.932



Lê Văn Lực
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2010

Lê Minh Hà
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103021734 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2008. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 100.000.000.000 đồng, chia thành 10.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 5.433.651 cổ phần tương ứng 54.336.510.000 đồng, chiếm 54,34% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 4.566.349 cổ phần tương ứng 45.663.490.000 đồng, chiếm 45,66% vốn điều lệ.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 1, thành lập theo Quyết định số 350NL/TCCB-LĐ ngày 19 tháng 6 năm 1993 của Bộ Năng lượng, là đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Công ty được cổ phần hoá thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 theo Quyết định số 3907/QĐ-BCN ngày 28/12/2006 của Bộ Công nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Km 9 + 200, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

- Khảo sát thiết kế các công trình điện;
- Gia công, thử nghiệm cột điện bằng thép;
- Xây dựng, sửa chữa thủy điện nhỏ;
- Xây dựng lưới điện từ 35 KV trở xuống;
- Nghiên cứu lập dự án đầu tư;
- Thiết kế các công trình điện tất cả các giai đoạn;
- Khảo sát xây dựng, khảo sát môi trường, thí nghiệm địa chất, vật liệu xây dựng...phục vụ thiết kế;
- Thẩm định đồ án thiết kế công trình điện không do Công ty thiết kế;
- Tổng thầu khảo sát, thiết kế và quản lý dự án các công trình điện trong phạm vi của Tập đoàn;
- Lập hồ sơ vật tư, thiết bị phục vụ cho chào thầu các công trình điện, kiểm định chất lượng xây dựng các công trình điện trong phạm vi của Tập đoàn;
- Tư vấn đấu thầu, tư vấn Hợp đồng kinh tế công trình điện;
- Tư vấn dịch vụ và xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: công tác điều tra, khảo sát, lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, khảo sát, thiết kế và lập dự toán công trình, lập hồ sơ và dịch vụ tổ chức đấu thầu về thiết kế, mua sắm trang thiết bị, xây lắp công trình, giám sát xây dựng, nhận thầu quản lý xây dựng;
- Gia công thử nghiệm cột điện các loại;
- Xây dựng sửa chữa thủy điện nhỏ;
- Tư vấn thiết kế công trình viễn thông;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp và sinh hoạt;
- Dịch vụ khảo sát và đo vẽ bản đồ (địa hình, địa chính);
- Xây lắp các công trình lưới điện có cấp điện áp đến 110KV;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị cơ khí điện lực;
- Kiểm định công trình xây dựng và các dịch vụ thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

3. Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính

TT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích Công ty Mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ
1	Công ty TNHH 1 Thành viên Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1	Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	100%	100%
2	Công ty TNHH 1 Thành viên Khảo sát Xây dựng Điện 2	Số 8/2 Phan Đình Phùng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	100%	100%
3	Công ty TNHH 1 Thành viên Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4	Số 599 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	100%	100%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty được lập theo chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 20/03/2006, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (Công ty mẹ) và các Công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con) sau đây:

- 1 Công ty TNHH 1 Thành viên Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1
- 2 Công ty TNHH 1 Thành viên Khảo sát Xây dựng Điện 2
- 3 Công ty TNHH 1 Thành viên Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4

Các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty con và Công ty mẹ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. Các khoản phải thu và dự phòng

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Đối với các hợp đồng tư vấn và các công trình xây dựng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo các chi phí trực tiếp thực tế phát sinh cho từng công trình cộng với các chi phí sản xuất chung phân bổ và tiền lương nhân công tương ứng với phần công việc dở dang chưa xác định doanh thu trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản hữu hình ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc, thiết bị	5 - 10
- Phương tiện vận tải	6 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
- Các tài sản cố định khác	3 - 5

7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và lợi thế thương mại. Chi tiết Tài sản cố định vô hình như sau:

- Quyền sử dụng đất: Bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất vô thời hạn. Quyền sử dụng đất có thời hạn khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao từ 3 - 10 năm.
- Phần mềm máy tính: khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao trong 3 năm.
- Tài sản cố định vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hoá Công ty, được Công ty trích khấu hao trong 10 năm.

8. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí về đầu tư xây dựng Công trình Thủy điện Sông Bung 5 và các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chưa hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Khi các công trình này hoàn thành và được Công ty phê duyệt theo phân cấp, các chi phí đầu tư xây dựng dở dang sẽ được chuyển thành tài sản cố định.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 2 - 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

10. Phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Các khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp.

Phần phát sinh tăng của các khoản phải trả người bán cho các nhà thầu phụ nước ngoài được hạch toán trên cơ sở số tiền nghiệm thu giữa Chủ đầu tư với Công ty về hạng mục nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện. Phần thanh toán cho nhà thầu phụ nước ngoài được căn cứ vào số ngoại tệ trên hóa đơn do nhà thầu phụ nước ngoài xuất cho Công ty quy đổi theo tỷ giá tại ngày thanh toán.

11. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu và chi phí của công trình xây lắp được ghi nhận khi công trình đã hoàn thành được bàn giao và khách hàng chấp nhận thanh toán. Ngoài ra, đối với các công trình xây dựng dở dang, doanh thu và chi phí liên quan được xác định tương ứng với các phần công việc (hạng mục) đã nghiệm thu có xác nhận của chủ đầu tư (Bên A).

Đối với các công trình đã hoàn thành và ghi nhận doanh thu của các năm trước nhưng khi quyết toán của các cơ quan có thẩm quyền mà bị cắt giảm giá trị thanh toán sẽ được Công ty điều chỉnh giảm doanh thu và công nợ tương ứng của năm hiện hành.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các liên doanh mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

12. Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế được xác định căn cứ theo tỷ lệ hoàn thành của công trình đã nghiệm thu trong kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

13. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này; Công ty chưa đánh giá chênh lệch tỷ giá của số dư công nợ ngoại tệ phải trả các nhà thầu phụ tư vấn nước ngoài. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với các hoạt động của Công ty là 5% và 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN của các đơn vị thành viên được hạch toán tại các đơn vị đó sau đó được chuyển lên Công ty mẹ, Công ty mẹ có trách nhiệm nộp số thuế TNDN phải nộp cho các đơn vị thành viên.

Công ty TNHH Một thành viên Khảo sát Xây dựng Điện 1, Công ty TNHH Một thành viên Khảo sát Xây dựng Điện 2, Công ty TNHH Một thành viên Khảo sát Xây dựng Điện 4 thuộc diện hưởng ưu đãi giảm 30% thuế Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 về việc hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế TNDN theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội;

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của toàn Công ty là 25%.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

16. Bên liên quan

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	1.156.462.247	875.712.106
Tiền gửi ngân hàng	29.046.725.922	43.320.245.826
Cộng	30.203.188.169	44.195.957.932

2. Các khoản phải thu khác

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	-	400.000.000
Phải thu khác	8.926.209.427	3.261.865.355
Cộng	8.926.209.427	3.661.865.355

3. Hàng tồn kho

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.250.588.550	1.398.589.680
Công cụ, dụng cụ	-	64.372.727
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	175.036.672.152	189.455.509.745
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	177.287.260.702	190.918.472.152

4. Các khoản thuế phải thu Nhà nước

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Các khoản khác phải thu Nhà nước		61.774.928
Cộng	-	61.774.928

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
Tại 01/01/2009	25.154.719.657	33.595.583.119	34.994.096.348	18.379.626.319	462.954.783	112.586.980.226	
- Mua trong năm		2.451.323.767	1.473.402.012	1.365.580.667	11.000.000	5.301.306.446	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.747.860.722					1.747.860.722	
- Thanh lý, nhượng bán	(95.780.312)	(1.213.070.755)	(300.000.000)	(1.446.338.964)	(51.212.091)	(3.106.402.122)	
Tại 31/12/2009	26.806.800.067	34.833.836.131	36.167.498.360	18.298.868.022	422.742.692	116.529.745.272	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại 01/01/2009	12.251.753.230	23.671.958.571	26.476.864.577	13.959.842.177	317.440.778	76.677.859.333	
- Khấu hao trong năm	1.708.110.594	3.441.154.346	3.130.569.298	2.438.217.328	36.150.907	10.754.202.473	
- Thanh lý, nhượng bán	(95.780.312)	(1.213.070.755)	(300.000.000)	(1.446.338.964)	(51.212.091)	(3.106.402.122)	
Tại 31/12/2009	13.864.083.512	25.900.042.162	29.307.433.875	14.951.720.541	302.379.594	84.325.659.684	
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình							
Tại 01/01/2009	12.902.966.427	9.923.624.548	8.517.231.771	4.419.784.142	145.514.005	35.909.120.893	
Tại 31/12/2009	12.942.716.555	8.933.793.969	6.860.064.485	3.347.147.481	120.363.098	32.204.085.588	

Nguyên giá Tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2009: 44.398.680.051 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND	
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm	1.443.177.942	5.666.085.713	35.686.714.887	42.795.978.542		
- Tăng khác		102.846.770		102.846.770		
Số dư cuối năm	1.443.177.942	5.768.932.483	35.686.714.887	42.898.825.312		
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.062.541.323	5.335.510.418	7.175.715.787	13.573.767.528		
- Khấu hao trong năm	8.605.677	242.443.646	3.960.433.969	4.211.483.292		
Số dư cuối năm	1.071.147.000	5.577.954.064	11.136.149.756	17.785.250.820		
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình						
Tại ngày đầu năm	380.636.619	330.575.295	28.510.999.100	29.222.211.014		
Tại ngày cuối năm	372.030.942	190.978.419	24.550.565.131	25.113.574.492		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại 31/12/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
Chi phí phần mềm diệt Virus	85.102.958	-
Giá trị còn lại công cụ dụng cụ	870.355.318	1.935.564.048
Cộng	955.458.276	1.935.564.048

8. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	Tại 31/12/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
Vay ngắn hạn	223.847.711.070	121.758.278.185
- Ngân hàng Công thương Nguyễn Trãi	108.747.678.107	83.081.194.532
- Ngân hàng Đầu tư phát triển Đà Nẵng	808.500.000	-
- Ngân hàng Ngoại thương Gia Lai	7.000.000.000	2.500.000.000
- Khoản vay các cá nhân	107.291.532.963	36.177.083.653
Cộng	223.847.711.070	121.758.278.185

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại 31/12/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.471.819.579	10.661.727.942
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.473.859.699	4.761.069.784
Thuế thu nhập cá nhân	54.892.767	407.162.460
Các loại thuế khác	1.105.441.933	12.807.243.519
Cộng	24.106.013.978	28.637.203.705

10. Phải trả nội bộ

	Tại 31/12/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	18.714.909.861	14.367.989.061
+ Phải trả vốn khi Cổ phần hóa	8.260.399.992	8.260.399.992
+ Lợi nhuận được chia	10.454.509.869	6.107.589.069
Cộng	18.714.909.861	14.367.989.061

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Các khoản phải trả khác	59.148.162.989	43.682.697.901
- Bảo hiểm y tế	49.669.423	213.585.279
- Bảo hiểm xã hội	358.657.145	234.329.395
- Kinh phí công đoàn	4.777.309.866	4.849.467.551
- Phải trả khác	53.962.526.555	38.385.315.676
Cộng	59.148.162.989	43.682.697.901

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****12. Vốn Chủ sở hữu****12a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2008	123.083.419.878				123.083.419.878
- Lãi năm trước				72.296.199.961	72.296.199.961
- Giảm vốn trong năm	(18.265.012.663)			(51.838.607.125)	(70.103.619.788)
- Giảm khác	(4.818.407.215)			(2.607.970.049)	(7.426.377.264)
- Điều chỉnh do hợp nhất					-
Tại 31/12/2008	100.000.000.000	-	-	17.849.622.787	117.849.622.787
Tại 01/01/2009	100.000.000.000	-	-	17.849.622.787	117.849.622.787
- Lợi nhuận tăng trong năm				34.238.735.119	34.238.735.119
- Phân phối lợi nhuận (*)		4.546.985.811	1.388.548.065	(17.705.689.489)	(11.770.155.613)
- Xử lý công nợ khó đòi			(1.327.722.918)		(1.327.722.918)
- Nộp Công ty mẹ				(2.412.020.632)	(2.412.020.632)
- Giảm khác				(509.618.578)	(509.618.578)
Tại 31/12/2009	100.000.000.000	4.546.985.811	60.825.147	31.461.029.207	136.068.840.165

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên ngày 27/04/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại 31/12/2009		Tại 01/01/2009	
	Tổng số (VND)	Tỷ lệ trên tổng vốn (%)	Tổng số (VND)	Tỷ lệ trên tổng vốn (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	54.336.510.000	54,34	54.336.510.000	54,34
Vốn góp (các cổ đông khác)	45.663.490.000	45,66	45.663.490.000	45,66
Cộng	100.000.000.000	100	100.000.000.000	100

12c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	123.083.419.878
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	23.083.419.878
+ Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:		
Cổ tức đã công bố trên 1 đơn vị cổ phiếu		
+ thường:	1.800	1.800
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:		
Cổ phiếu	Tại ngày 31/12/2009 VND	Tại ngày 01/01/2009 VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ		
+ Cổ phiếu thường	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu thường	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu):	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV	485.329.763.510	449.566.183.490
Trong đó:		
- Doanh thu xây lắp điện	33.286.232.053	18.924.304.185
- Doanh thu khảo sát, thiết kế công trình điện	394.574.054.524	380.236.589.175
- Doanh thu khác	57.469.476.933	50.405.290.130
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	485.329.763.510	449.566.183.490
Trong đó:		
- Doanh thu xây lắp điện	33.286.232.053	18.924.304.185
- Doanh thu khảo sát, thiết kế công trình điện	394.574.054.524	380.236.589.175
- Doanh thu khác	57.469.476.933	50.405.290.130
Cộng	485.329.763.510	449.566.183.490

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Hoạt động Xây lắp điện	27.951.569.236	15.928.148.884
Hoạt động Khảo sát, thiết kế công trình điện	297.133.150.248	293.019.357.618
Hoạt động khác	55.826.268.423	50.294.990.866
Cộng	380.910.987.907	359.242.497.368

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	935.515.222	1.340.969.154
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	174.419.109	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.027.658	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	660.341.370	-
Cộng	1.798.303.359	1.340.969.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. Chi phí tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	16.867.842.257	16.276.816.759
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	47.913.242	-
Chi phí tài chính khác	-	4.591.200
Cộng	16.915.755.499	16.281.407.959

5. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.243.410.886	10.725.436.909
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(699.482.347)	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	(5.960.588)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.543.928.539	10.719.476.321

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện đặc biệt trong năm, các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 20/11/2009 về Kế hoạch tăng thêm vốn điều lệ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 trong 3 năm 2010, 2011, 2012. Theo đó thông qua kế hoạch tăng thêm vốn điều lệ 74 tỷ đồng trong năm 2010, 113 tỷ đồng trong năm 2011 và 82 tỷ đồng trong năm 2012 bằng cách phát hành thêm cổ phần phổ thông để có nguồn vốn đối ứng thực hiện dự án thủy điện Sông Bung 5.

Theo Quyết định số 29/QĐ-HĐQT-TVĐ1 ngày 23/01/2009 của Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 quyết định thành lập Công ty TNHH một thành viên Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4 trên cơ sở chuyển đổi tổ chức của Xí nghiệp Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật thuộc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1, từ ngày 15/02/2009, là doanh nghiệp hạch toán độc lập, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật. Vốn điều lệ của Công ty là 6.060.000.000 đồng.

Theo quyết định số 27/QĐ-HĐQT-TVĐ1 ngày 23/01/2009 của Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 quyết định thành lập Công ty TNHH một thành viên Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1 trên cơ sở chuyển đổi tổ chức của Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng Điện 1 thuộc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1, từ ngày 15/02/2009. Công ty TNHH một thành viên Khảo sát thiết kế Xây dựng Điện 1 là doanh nghiệp hạch toán độc lập, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật. Vốn điều lệ của Công ty là 17.102.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Các sự kiện đặc biệt trong năm, các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán (tiếp theo)

Theo Quyết định số 28/QĐ-HĐQT-TVĐ1 ngày 23 tháng 01 năm 2009 của Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 quyết định thành lập Công ty TNHH một thành viên Khảo sát Xây dựng Điện 2 trên cơ sở chuyển đổi tổ chức của Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng Điện 2 thuộc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1, từ ngày 15 tháng 02 năm 2009.

Công ty TNHH một thành viên Tư vấn Xây dựng Điện 2 là doanh nghiệp hạch toán độc lập, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật. Vốn điều lệ của Công ty là 4.870.000.000 đồng.

2. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu các công trình thuộc EVN		
Khôi cơ quan Công ty	286.782.183.652	203.488.948.988
Công ty Khảo sát thiết kế Xây dựng Điện 1	37.380.845.872	26.164.241.819
Công ty Khảo sát thiết kế Xây dựng Điện 2	15.996.244.233	21.093.126.071
Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng Điện 3	37.119.653.424	14.584.929.689
Công ty Khảo sát thiết kế Xây dựng Điện 4	16.994.759.329	4.264.551.574
Tổng cộng	394.273.686.510	269.595.798.141

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2009 VND
Phải thu khách hàng	
Công ty CP Thủy điện Tiên Yên	410.589.542
Công ty TNHH một thành viên Điện lực Hải dương	322.385.338
Công ty CP Tư vấn Đầu tư & XD mở	22.150.000
BQLDA LĐ Công ty điện lực 2	109.014.771
BQLDA nhiệt điện 1	10.081.665.888
BQLDA LĐ Tp Hải phòng	761.977.042
BQL TT đ.độ HT điện MBắc	381.686.048
NMTĐ Vĩnh sơn-Sông hình	2.630.359.450
Công ty CP điện NĐ Quảng Ninh	3.171.631.210
Công ty TVXD điện 2	96.051.000
BQLDA Thủy điện 1	24.809.315.100
BQLDA NMTĐ Nà loà	217.565.322
BQLDA Thủy điện 2	21.685.336.573
Công ty CP thủy điện Tà Niết	564.418.414
Điện lực Cao bằng	22.957.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

	Tại 31/12/2009 VND
Điện lực Thanh hoá	268.388.624
BQLDA LĐ Công ty ĐL 1	10.387.272.014
Xí nghiệp KS&XD điện	60.823.889
Ban Quản lý dự án lưới điện- Điện lực Hà nội	332.690.245
Công ty CP ĐTPT Sêsan 3A	1.430.352.910
BQLDA điện lực Lâm đồng	789.758.900
Ban ĐHDATD Tuyên quang	143.960.000
BQLDA thủy điện Sơn la	30.834.554.379
BQLDA Thủy điện 4	7.768.897.718
BQLDA điện miền Trung	6.154.064.398
Điện lực Hải phòng	469.582.830
Điện lực Thái nguyên	20.745.229
Điện lực Gia lai	294.132.331
Điện lực Hà giang	17.195.472
Điện lực Vĩnh phúc	55.609.007
BQLNM Hải phòng	115.051.304
Công ty truyền tải điện 2	205.972.559
Công ty truyền tải điện 1	5.252.519.927
Điện lực Nghệ an	244.721.884
Công ty CP NĐ Cẩm phả	696.000.000
BQLDA điện Miền bắc	37.153.703.545
Công ty CP đầu tư & PT điện Miền trung	505.056.377
Công ty CP đầu tư XD hạ tầng và giao thông	518.906.000
Công ty CP thủy điện Thái an	1.090.000.000
Công ty CP thủy điện Bình điền	10.201.232
Công ty TNHH MTV_Điện lực Ninh bình	154.025.544
Công ty nhiệt điện Phả lại	610.392.799
Công ty CP điện-khoáng Bắc kạn	425.365.612
Ban QLDA thủy điện 7	1.776.080.976
Ban QLDANM nhiệt điện Cao ngạn	11.041.889
Công ty CP thủy điện Quế phong	3.308.837.139
Công ty CP Thủy điện Văn chấn	123.980.500
Công ty CP Đầu tư & quản lý nguồn điện VN	53.000.000
Công ty CP thủy điện Hòa na	9.911.220.742
Công ty TNHH Đầu tư & PT điện Gia Lai	1.203.755.843
Ban QLDA năng lượng nông thôn khu vực Miền Trung	3.812.323.292
Công ty CP thủy điện Bắc nà	1.891.809.174
Ban QLDA phát triển điện lực	34.488.136
Công ty CP thủy điện Trung nam	5.165.023.603
Ban QLDA NM điện Ninh bình 2	4.160.788.213
Ban QLDA thủy điện Sông bung 4	3.393.535.894
Công ty CP EVN Quốc tế	24.588.991.829
Công ty CP thủy điện Thác Bà	112.906.092

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

	Tại 31/12/2009
	VND
Công ty CP thủy điện SaPa	3.464.719.055
Công ty CP Thủy điện sông ba hạ	2.552.869.741
Công ty CP thủy điện Sông trà	387.822.304
Công ty CP thủy điện Bắc Hà	2.681.799.265
Công ty CP TĐ Za hưng	1.751.718.857
Công ty CP thủy điện Miền Trung	9.003.911.393
CN Công ty CP TV Sông Đà - TT thí nghiệm XD Sông Đà	15.283.831
BQLDA Thủy điện Sê Kông 3	450.268.000
Trung tâm thiết kế điện	150.000.000
Công ty CP Thủy điện Sông Vàng	40.673.000
Công ty CP Thủy điện An Khê - Kanat	24.106.627
Tổng cộng	251.368.003.412

Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
Phải trả người bán		
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
+ Phải trả vốn khi Cổ phần hóa	8.260.399.992	8.260.399.992
+ Lợi nhuận được chia	10.454.509.869	6.107.589.069
Tổng cộng	18.714.909.861	14.367.989.061

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán.



Lê Văn Lực
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2010


Lê Minh Hà
Kế toán trưởng

